

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đăng Thanh; Ông Giáp Văn Phẩm.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 255/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 (Có mặt)

Bị đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1974 (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị B chung sống với nhau vào năm 1994, hai vợ chồng trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, trước sự chứng kiến của hai bên gia đình, bạn bè, làng xóm nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới có về chung sống với nhau tại thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có tình cảm và quan hệ với người phụ nữ khác, mặt khác trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, hay xảy ra đánh cãi chửi nhau, bất đồng về quan điểm sống. Anh và chị B không quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2012 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng

không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên anh Đ xin được ly hôn đối với chị Hoàng Thị B.

- Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 17/5/2000, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 01/12/2004 và Nguyễn Thế A, sinh ngày 23/8/2017. Vấn đề về con chung, cấp dưỡng nuôi con do hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/8/2018 bị đơn chị Hoàng Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ về chung sống với nhau từ năm 1994, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương trước sự chứng kiến của hai bên gia đình, bạn bè, làng xóm nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc từ khi cưới đến tháng cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, mỗi khi anh Đ về nhà thì vợ chồng lại xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Chị và anh Đ không quan hệ tình cảm và không quan tâm đến nhau từ năm 2012 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của anh Đ xin được ly hôn thì chị cũng nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng chị có bốn người con chung là Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 17/5/2000, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 01/12/2004 và Nguyễn Thế A, sinh ngày 23/8/2017. Về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con do vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Hoàng Thị B, các vấn đề về con chung, cấp dưỡng nuôi con, giải quyết tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác do anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn, anh Đ xin chịu cả tiền án phí.

Tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị B giữ nguyên những lời khai có trong hồ sơ vụ án, không bổ sung thêm gì. Chị nhất trí với các đề nghị trên của anh Nguyễn Văn Đ. Nhất trí để anh Đ chịu cả tiền án phí ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, không công nhận anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị B là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh và chị Hoàng Thị B được ly hôn. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, trước khi về chung sống với nhau hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay anh chị không đi đăng ký kết hôn lại theo nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 về việc khuyến khích đăng ký kết hôn, là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mâu thuẫn vợ chồng anh Đ, chị B phát sinh vào năm 2012, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không thường xuyên ở nhà, không quan tâm đến vợ con cũng như chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Anh Đ và chị B cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2012 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian vợ chồng anh Đ, chị B sống ly thân (không quan hệ tình cảm) đã kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, anh Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị B và chị B cũng nhất trí ly hôn. Do vậy cần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử “Không công nhận anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị B là vợ chồng” là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị B sinh được bốn người con chung Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 17/5/2000, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 01/12/2004 và Nguyễn Thế A, sinh ngày 23/8/2017. Vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác:* Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ: Không công nhận anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị B là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005013 ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn